

Bản án số: 05/2022/KDTM-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hiếu Luân

Bà Lý Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thúy Hằng- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 25/10/2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 10/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-KDTM ngày 08/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 28/7/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam**

Trụ sở: số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Nhị, chức vụ: Giám đốc xử lý nợ (Quyết định ủy quyền số 1218/2017/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2017).

Người nhận ủy quyền lại của bà Phạm Thị Nhị:

1/ Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1989; Chức vụ: cán bộ xử lý nợ (*có mặt*).

2/ Anh Trần Trọng H, sinh năm 1997; chức vụ: cán bộ xử lý nợ (*vắng mặt*).

3/ Chị Hoàng Minh T, sinh năm 1988; chức vụ: cán bộ xử lý nợ (*vắng mặt*).

(Giấy ủy quyền số 493-3/2022/UQ-TCB ngày 18/7/2022).

- Bị đơn: **Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1981** (có mặt)

Chị Phạm Thị V, sinh năm 1980 (có đơn xét xử vắng mặt)

ĐKKHKT+nơi cư trú: thôn X, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Tạ Thị M, sinh năm 1957 (đã chết ngày 18/6/2012)

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà Tạ Thị M đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

+Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

+Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: thôn D, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

+Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: thôn P, xã L1, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

2/ Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1974 (có mặt)

Trú tại: thôn D, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

3/ Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1992 (có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

4/ Chị Ngô Thị N, sinh năm 1992 (có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: thôn P, xã L1, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/7/2011, anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V đã ký hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY cùng khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 2748 ngày 01/8/2011 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với các nội dung như sau: số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng); thời hạn cho vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 01/8/2014; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất cho vay linh hoạt như sau: lãi suất

vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 23%/năm, thời gian tiếp theo lãi suất sẽ được 03 tháng/01 lần điều chỉnh vào các ngày 02/01,01/4,01/7,01/7,01/10 và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 7%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ theo từng đối tượng khách hàng, tương ứng thời điểm thay đổi lãi suất. Anh H, chị V đã nhận số tiền 1.000.000.000 đồng do Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam giải ngân qua hình thức chuyển khoản thể hiện qua Giấy lĩnh tiền ngày 01/8/2011.

Tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho khoản vay trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03, diện tích 247m² tại thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội. Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 844373, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00777 QSDĐ/1519 QĐ H2001 do UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn C. Các bên đã tự nguyện ký Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4808, quyển số 03.2011 ngày 29/7/2011 tại văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Giao dịch bảo đảm đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thường Tín ngày 01/8/2011.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh H và chị V đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền nợ gốc là 500.134.037 đồng, nợ lãi là 269.022.468 đồng. Anh H, chị V đã vi phạm hợp đồng từ kỳ trả gốc, lãi ngày 02/5/2013. Tính đến ngày 10/6/2022, anh H và chị V còn nợ ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam như sau: Nợ gốc là 499.865.963 đồng, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả là 1.136.978.174 đồng. Tổng cộng là 1.636.844.137 đồng.

Ngoài ra, ngân hàng yêu cầu anh H, chị V phải thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 80.000.000 đồng tương đương mức 8% giá trị hợp đồng. Anh H, chị V còn phải tiếp tục chịu các khoản nợ lãi, tiền phạt phát sinh theo lãi suất quá hạn, lãi phạt thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 kể từ ngày 10/6/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho ngân hàng.

Trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả đủ số nợ trên thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì anh H, chị V vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên.

Ngày 18/7/2022, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có đơn xin rút yêu cầu đối với tiền lãi phạt và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc bị đơn là anh Trần Ngọc H, chị Phạm Thị V trình bày:

Ngày 29/7/2011 vợ chồng anh có ký Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 với Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam để vay ngân hàng số tiền là 1.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng. Vợ chồng anh đã nhận đủ số tiền trên qua hình thức giải ngân bằng hình thức chuyển khoản thể hiện qua khế ước nhận nợ và giấy lĩnh tiền ngày 01/8/2011.

Do anh H và anh Phùng Văn Q có quan hệ anh em họ nên hộ gia đình ông Nguyễn Văn C (bố vợ anh Q) đã thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng anh là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03, địa chỉ thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn C.

Anh H, chị V công nhận hiện nay vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương số tiền nợ gốc là 499.865.963 đồng và số nợ lãi phát sinh như Ngân hàng trình bày là đúng. Do làm ăn khó khăn nên vợ chồng anh không có khả năng thanh toán tiền trả cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H, anh Phùng Văn Q, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị S trình bày:

Do anh Phùng Văn Q là con rể của ông Nguyễn Văn C có quan hệ làm ăn với anh Trần Ngọc H nên năm 2011 hộ gia đình ông C gồm các thành viên là ông Nguyễn Văn C, bà Tạ Thị M, chị Nguyễn Thị H, anh Phùng Văn Q, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn B1 đã tự nguyện ký hợp đồng thế chấp tài

sản của bên thứ ba số công chứng 4808, quyển số 03-2011 ngày 29/7/2011 tại văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội. Việc ký kết hợp đồng thế chấp của hộ gia đình ông C là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc để bảo đảm cho khoản vay nợ của anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V với ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03 tại địa chỉ thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Thửa đất thế chấp đã được UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn C.

Hiện nay trên nhà đất thế chấp cho Ngân hàng những thành viên của gia đình ông C đang sinh sống gồm: ông Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị Y (vợ anh B) và hai cháu là Nguyễn Khánh An, sinh năm 2016, Nguyễn Khánh Huyền, sinh năm 2019 (con của của vợ chồng anh B). Bà Tạ Thị M đã chết năm 2012. Chị Nguyễn Thị S lấy chồng sống ở xóm 3, thôn X1, xã V, huyện Thường Tín. Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Phùng Văn Q sống tại thôn D, xã V, huyện Thường Tín. Vợ chồng anh Nguyễn Văn B1 đang sống tại thôn P, xã L1, huyện Thường Tín.

Ông C, chị H, anh Q, chị S, anh B có quan điểm: Thực tế hộ gia đình ông C thế chấp tài sản để giúp cho anh H, chị V vay tiền Ngân hàng và không nhận được số tiền nào từ Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay vợ chồng anh H, chị V không có thái độ hợp tác trả nợ cho Ngân hàng. Hoàn cảnh gia đình ông C rất khó khăn, không có chỗ ở nào khác do đó nhiều lần gia đình có phương án hòa giải xin trả nợ cho bị đơn để giải chấp tài sản bảo đảm nhưng không thống nhất thỏa thuận được với Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Chị là con dâu của ông Nguyễn Văn C và bà Tạ Thị M. Năm 2015 chị kết hôn với anh Nguyễn Văn B và hai vợ chồng sinh sống trên nhà đất của hộ gia đình ông C từ đó cho đến nay. Hộ gia đình ông C ký kết hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay của vợ chồng anh H, chị V chị không biết sự việc này. Chị xác nhận mẹ chồng chị là bà Tạ Thị M đã chết năm 2012, các thành viên trong gia đình ông C đang sống trên nhà đất thế chấp gồm có bố chồng chị là ông Nguyễn Văn C, vợ chồng chị và hai con của anh chị là Nguyễn Khánh An, sinh năm 2016, Nguyễn Khánh Huyền, sinh năm 2019.

Chị có quan điểm: chị không biết việc vay nợ và thế chấp tài sản bảo đảm giữa các bên nên không liên quan do đó chị có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Ngô Thị N trình bày:

Chị là vợ của anh Nguyễn Văn B1 là con dâu của vợ chồng ông C, bà M. Năm 2016 chị kết hôn với anh B1 và về chung sống tại nhà chồng ở thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Chị không biết gì về việc hộ gia đình ông C ký kết hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay nợ của anh H và chị V. Năm 2020 chồng chị là anh B1 bị tai biến mạch máu não nên chị không thường xuyên sinh sống ở gia đình ông C mà đưa anh B1 về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn P, xã L1, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội để tiện chăm sóc. Thỉnh thoảng chị mới qua lại nhà chồng ở tại thôn X1, xã V, huyện Thường Tín.

Chị có quan điểm như sau: chị là con dâu trong gia đình không biết việc vay nợ và thế chấp tài sản bảo đảm giữa các bên nên không liên quan do đó chị có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đối với bà Tạ Thị M:

Qua lời khai của các bên đương sự và xác minh của chính quyền địa phương thì bà Tạ Thị M, sinh năm 1957, đã chết ngày 18 tháng 6 năm 2012. Bố mẹ đẻ của bà M đã chết từ hơn 10 năm trước. Do đó, hiện nay những người kế thừa quyền nghĩa vụ của bà M là ông Nguyễn Văn C (chồng bà M) và các con của bà M là chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn B1. Ông C, chị H, chị S, anh B đều có quan điểm thống nhất kế thừa quyền nghĩa vụ của bà M. Ông C, chị H, chị S, anh B1, anh B đồng thời là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn B1:

Qua xác minh và lời khai của các bên đương sự đều xác nhận anh Nguyễn Văn B1, bị tai biến mạch máu não năm 2020. Anh B1 bị di chứng bệnh mạch máu não bị liệt người hai bên, nằm một chỗ, sống thực vật, ăn qua son, mọi sinh hoạt hàng ngày đều phải có người chăm sóc. Do đó, Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh B1.

Tại phiên tòa:

*Đại diện nguyên đơn: Cam đoan khoản nợ này Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam chưa bán cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam hay tổ chức tín dụng nào khác. Tính đến ngày 16/8/2022, anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V còn nợ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 như sau: số tiền nợ gốc là 499.865.963 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.653.126 đồng; nợ lãi quá hạn là 998.134.870 đồng. Tổng cộng là 1.552.653.959 đồng. Về lãi suất thì yêu cầu anh H, chị V tiếp tục trả lãi tính trên số tiền gốc chưa trả tương ứng với thời điểm chưa thanh toán, đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 17/8/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả đủ số nợ trên thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

*Anh H: giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Ngân hàng xem xét giảm một phần nợ lãi để gia đình ông C trả nợ tất toán khoản vay. Trường hợp Ngân hàng đồng ý thì anh hỗ trợ thêm cho gia đình ông C 100.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng.

* Anh Q: Gia đình ông C có thiện chí trả nợ cho vợ chồng anh H, chị V để giải chấp khoản vay lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về nhưng không hòa giải được với Ngân hàng về số nợ thanh toán. Gia đình ông C hoàn cảnh rất khó khăn nên đề nghị Ngân hàng xem xét miễn giảm một phần lãi để gia đình trả nợ thay cho bị đơn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín có quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 như sau: số tiền nợ gốc là 499.865.963 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.653.126 đồng; nợ lãi quá hạn là 998.134.870 đồng. Tổng cộng là 1.552.653.959 đồng. Anh Trần Ngọc H

và chị Phạm Thị V phải tiếp tục trả lãi của số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

+Trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả đủ số nợ trên thì chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo sau để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 03 tại thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

+ Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 184; Điều 185 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về xác định những người tham gia tố tụng:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01Y-4347 ngày 06/10/2010 do UBND huyện Thường Tín cấp cho hộ kinh doanh cá thể thì thành viên hộ kinh doanh là anh Trần Ngọc H không có thành viên nào khác. Chị Phạm Thị V là vợ anh Trần Ngọc H cùng ký hợp đồng tín dụng vay tiền Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam nên xác định người bị đơn trong vụ án là anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V.

Về những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà Tạ Thị M: bà M là thành viên trong hộ gia đình ông C và ký hợp đồng thế chấp tài sản. Năm 2012 bà M chết,

những người thừa kế quyền nghĩa vụ của bà M là ông Nguyễn Văn C (chồng bà M) và các con của bà M, ông C là chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn B1. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà M đồng thời là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Ngân, chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do là ông C, chị H, anh B, chị S. Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và ra bản án vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về hợp đồng tín dụng, xét: Hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V: Nội dung, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên chủ thể ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Sau khi nhận đủ số tiền vay và trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và chị V chưa trả đủ tiền gốc và các khoản lãi phát sinh tiếp theo. Anh H, chị V đã vi phạm mục 13.2 Điều 13 của hợp đồng tín dụng. Theo Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng quy định về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng, thu hồi nợ đối với khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có quyền chấm dứt hợp đồng, thu hồi nợ và yêu cầu thanh toán trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về lãi suất trên nợ gốc trong hạn và lãi suất trên nợ gốc quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ ngày 01/8/2011 lãi suất do các bên thỏa thuận là 23%/ năm áp dụng và được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày đầu quý. Các thỏa thuận về lãi suất này là hoàn toàn tự nguyện, đã được điều chỉnh theo từng thời điểm tương ứng và phù hợp với quy định tại thời điểm ký kết hợp đồng nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[8] Đối với tiền lãi phạt, tiền phạt vi phạm hợp đồng: Ngày 18/7/2022, ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam xin rút yêu cầu buộc vợ chồng anh H, chị V phải trả số tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi phạt. Xét yêu cầu này của Ngân hàng

TMCP Kỹ Thương Việt Nam là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 -Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu xin rút tiền lãi phạt, tiền phạt vi phạm hợp đồng của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[9] Về hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng 4808, quyển số 03-2011 ngày 29/7/2011 tại văn phòng công chứng số 7, thành phố Hà Nội: Xét hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với hộ gia đình ông Nguyễn Văn C đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các bên đều thừa nhận việc thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử xác định việc thế chấp tài sản bảo đảm là phù hợp với thỏa thuận của các bên về tài sản bảo đảm, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 342, 715 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[10] Đối với anh Nguyễn Văn B1: theo lời khai của các đương sự, xác minh tại UBND xã L1, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội thì anh B1 bị di chứng tai biến mạch máu não, liệt hai nửa người, sống thực vật, không có ý thức giao tiếp hay nhận thức. Tòa án đã giải thích, hướng dẫn để các đương sự trong vụ án yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn Văn B1 mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên các đương sự trong vụ án không yêu cầu tuyên bố anh B1 mất năng lực hành vi dân sự. Do đó, căn cứ Điều 6 Phần IV – Giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đối với anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V theo hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 như sau:

Anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (tính đến ngày 16/8/2022) là: số tiền nợ gốc là 499.865.963 đồng; nợ lãi trong hạn là 54.653.126 đồng; nợ lãi quá hạn là 998.134.870 đồng. Tổng cộng là 1.552.653.959 đồng.

Anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín

dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trong trường hợp phía bị đơn không thanh toán trả đủ số nợ trên thì chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì anh H, chị V vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ trên.

[12] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam được Tòa án chấp nhận, do vậy theo quy định tại khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.579.618 đồng. Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

[13] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 185; khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 342, 348, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 - Bộ luật dân sự năm 2005.

- Các Điều 90, 91, 93, 94, 95 - Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

- Khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Điều 26 - Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đối với anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V.

2/ Buộc anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 2748/HĐTD/SLH-HKD/TCB-HTY ngày 29/7/2011 và khế ước nhận nợ, cam kết trả nợ ngày 01/8/2011, số nợ tính đến ngày 16/8/2022 như sau: Tiền nợ gốc là 499.865.963 đồng (*bốn trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu năm nghìn chín trăm sáu ba đồng*); nợ lãi trong hạn là 54.653.126 đồng (*năm bốn triệu sáu trăm năm ba nghìn một trăm hai sáu đồng*); nợ lãi quá hạn là 998.134.870 đồng (*chín trăm chín tám triệu một trăm ba tư nghìn tám trăm bảy mươi đồng*). Tổng cộng là 1.552.653.959 đồng (*một tỷ năm trăm năm hai triệu sáu trăm năm ba nghìn chín trăm năm chín đồng*).

**Kể từ ngày 17/8/2022 cho đến khi thi hành án xong, anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

3/ Trường hợp anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có quyền đề nghị Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản thế chấp sau đây để thu hồi nợ:

Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 76, tờ bản đồ số 03 tại thôn X1, xã V, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội (*thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 844373, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00777 QSDĐ/1519 QĐ H2001 do UBND huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (nay*

là thành phố Hà Nội) cấp ngày 21/12/2001 cho hộ ông Nguyễn Văn C) theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 4808, quyển số 03.2011 ngày 29/7/2011 tại văn phòng công chứng số 7, Thành phố Hà Nội.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ bảo đảm nghĩa vụ trả nợ thì anh H, chị V vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

4/ Về án phí:

- Anh Trần Ngọc H và chị Phạm Thị V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 58.579.618 đồng (năm tám triệu năm trăm bảy chín nghìn sáu trăm mười tám đồng).

- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 28.000.000 đồng (hai tám triệu đồng) đã nộp tại biên lai số AA/2020/0022635 ngày 19/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

5/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, anh Trần Ngọc H, anh Phùng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phạm Thị V, ông Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị S, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn B1, chị Ngô Thị N, chị Nguyễn Thị Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín, TP Hà Nội;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện
Thường Tín, TP Hà Nội;
- Lưu HSVA, VP.

Trần Thị Thu H

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 03 tháng 12 năm 2019

Tại phòng nghị án trụ sở TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Đăng

Ông Nguyễn Đình Thọ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/KDTM-ST ngày 16/01/2018 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB)

Trụ sở chính: số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, Quận, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh Toàn - SN 1971; Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Thùy - SN 1985

Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ khu vực - Phòng Quản lý nợ Ngân hàng TMCP Á Châu
(Giấy ủy quyền số 838/UQ-QLN.18 ngày 08/8/2018)

Người được ủy quyền lại: Ông Nghiêm An Việt - SN 1995

Chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Á Châu
(Giấy ủy quyền số 493/UQ-CNT.19 ngày 08/5/2019)

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH Đại Phú V

Trụ sở chính: số nhà B11, Khu tập thể cán bộ quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thảo - SN 1979

Chức vụ: Giám đốc Công ty

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Biên - SN 1974

ĐKHKT+ nơi cư trú: số 15, ngõ Gia Tự B, Ngõ Chợ Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, Hà Nội

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1/ Ông Ngô Phạm Tranh - SN 1952

2/ Bà Vũ Thị Hưng - SN 1958

3/ Anh Ngô Phạm Đẩu - SN 1983

4/ Chị Trần Thị Phương Thúy - SN 1983

5/ Chị Ngô Thị Anh - SN 1991

Cùng cư trú tại: xóm 1, thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

6/ Chị Ngô Thị Quế - SN 1981

Cư trú tại: số nhà B11, Khu tập thể cán bộ quản lý, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định khác của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ NHƯ SAU:

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết các vấn đề của vụ án như sau:

I/ Về thẩm quyền: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

II/ Về thời hiệu khởi kiện: áp dụng khoản 1 Điều 184; Điều 185 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 159 - Bộ luật dân sự 2005: vụ án này vẫn còn thời hiệu khởi kiện

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

III/ Về quan hệ pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 30 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015: đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

IV/ Về nội dung tranh chấp: áp dụng các Điều 342, 348, 351, 355, 471, 474, 715, 717, 718, 719, 720, 721 - Bộ luật dân sự 2005; các Điều 51, 56, 58, 59, 60 - Luật các Tổ

chức tín dụng

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á Châu đối với Công ty TNHH Đại Phú V.

2/ Buộc Công ty TNHH Đại Phú V phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số DGL.DN.01160513 ký ngày 28/5/2013 như sau:

- Tiền nợ gốc: 350.000.000 đồng
- Nợ lãi trong hạn: 7.393.375 đồng
- Nợ lãi quá hạn: 322.946.688 đồng

Tổng cộng là 680.340.063 đồng.

* Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Đại Phú V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/ Trường hợp Công ty TNHH Đại Phú V không trả được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Á Châu có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản sau đây để thu hồi nợ: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số thửa số 13, tờ bản đồ số 2, diện tích 632m² tại thôn Đức Nhuận, xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã được UBND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 625361 ngày 20/9/2010 mang tên ông Ngô Phạm Tranh và bà Vũ Thị Hưng, được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: HUY.BĐDN0229311 ngày 29/3/201, số công chứng 188 Quyền số 06 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 2 - tỉnh Hưng Yên .

4/ Ông Nguyễn Văn Thảo bà Ngô Thị Quế có trách nhiệm dùng mọi tài sản cá nhân để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu khi Công ty TNHH Đại Phú V không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

V/ Về án phí: áp dụng khoản 1 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Công ty TNHH Đại Phú V phải chịu 31.213.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Ngân hàng TMCP Á Châu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 10.500.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2012/08694 ngày 11/01/2018 tại cơ quan Thi hành án dân sự Thanh Trì.

VI/ Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Á Châu, ông Ngô Phạm Tranh, anh Ngô Phạm Đẩu có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Đại Phú V, bà Vũ Thị Hưng, chị Trần Thị Phương Thúy, chị Ngô Thị Anh, chị Ngô Thị Quế có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

VII/ Về việc thi hành án: áp dụng Điều 26 - Luật Thi hành án : Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3 = 100 %

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 50 phút, ngày 03 tháng 12 năm 2019

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

